

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Lam Sơn
- Địa chỉ: 280 Bùi Hữu Nghĩa, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 02838412174
Địa chỉ thư điện tử: thcslson.bth@tphcm.gov.vn
Cổng thông tin điện tử: <https://thcslamsonbinhthanh.hcm.edu.vn>
- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng:

Trường THCS Lam Sơn là một điểm sáng văn hóa, là môi trường học tập, sinh hoạt và rèn luyện nâng cao Đức – Trí – Thể - Mỹ của thanh thiếu niên trên địa bàn Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Tầm nhìn:

Đến năm 2025, trường THCS Lam Sơn trở thành ngôi trường có đội ngũ giáo viên “Sáng nhân cách – Vững chuyên môn”. Môi trường làm việc, học tập thân thiện. Học sinh có cơ hội phát triển bản thân. Nhà trường tạo được uy tín đối với phụ huynh, nhân dân quận Bình Thạnh.

4.3. Mục tiêu:

Đến năm 2025:

- Trường có từ 50% số phòng học được trang bị phương tiện giảng dạy ứng dụng CNTT; các phòng chức năng được nâng cấp theo hướng hiện đại.
- Ứng dụng CNTT 100% vào công tác quản lý.
- Đội ngũ giáo viên đạt GV giỏi cấp quận đạt trên 30%
- Trường có đội ngũ giáo viên trẻ đủ năng lực chuyên môn, có phẩm chất chính trị tốt, cụ thể:
 - 100% trình độ ĐH, có giáo viên sau ĐH.
 - 20% Đoàn viên giáo viên là Đảng viên.
- Tỷ lệ học sinh khá, giỏi đạt từ 70% trở lên, học sinh Chưa đạt dưới 5%.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Lam Sơn có địa chỉ tại số 280 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, quận Bình Thạnh. Trường được xây dựng từ năm 1958 với tên đầu tiên là trường

Bossuet đến nay đã hơn 50 năm, trường có diện tích 2.412,6 m². Đến năm học 1969-1970, trường có tên là Trường tư thục Thánh Mẫu. Sau ngày 30/4/1975 trường được đổi tên là Trường Quang Trung với đủ các cấp học mẫu giáo, cấp 1, cấp 2 và cấp 3; Năm học 1976-1977, trường tách khỏi mẫu giáo về phường, cấp 3 do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quản lý. Ngày 06 tháng 10 năm 1984 Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh đã ra Quyết định số 141/QĐ-84 tách trường Phổ thông cơ sở cấp 1, 2 Lam Sơn thành 2 trường cấp 1 và cấp 2 như hiện nay. Ngày 01 tháng 7 năm 2025, Ủy ban nhân dân phường Gia Định đã ra Quyết định số 19/QĐ-UBND thành lập Trường Trung học cơ sở Lam Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Gia Định

Từ ngày thành lập đến nay, trường Trung học cơ sở Lam Sơn đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển văn hóa giáo dục tại địa phương. Chất lượng giáo dục của nhà trường được đánh giá tốt và ổn định; nhiều năm liền trường đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến của quận Bình Thạnh và của thành phố. Nhà trường có tổng cộng 25 phòng học; 02 phòng thực hành thí nghiệm Khoa học tự nhiên; 01 phòng học bộ môn Nghệ thuật, 01 phòng học bộ môn STEM, 02 phòng máy vi tính với tổng số là 91 máy, có nối mạng internet. Nhà trường chú trọng đến việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, bên cạnh đó việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học và quản lý cũng được quan tâm và đầu tư thêm các thiết bị dạy học cho các phòng học ứng dụng công nghệ thông tin. Từ năm học 2023-2024 đến nay, trường đã tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả các khối lớp theo tinh thần công văn 7291/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung cho việc phụ đạo học sinh yếu kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; giãn thời gian với các nội dung dài, khó dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn; tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động văn nghệ, thể thao, và các hình thức Câu lạc bộ ngoại khóa phù hợp với đối tượng học sinh. Do đó, nhiều năm liền nhà trường luôn có học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố và các phong trào thể thao cũng đạt được những giải cao trong quận và thành phố. Việc giáo dục đạo đức học sinh cũng được đặc biệt quan tâm, nhà trường chủ trương giáo dục đạo đức học sinh thông qua những tấm gương học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, kết hợp với nội dung cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ cũng được quan tâm và thực hiện thường xuyên. Cùng với việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” và các cuộc vận động của ngành, nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên nâng cao trình độ bằng nhiều hình thức, như: tự học, đi học nâng cao, dự các lớp tập huấn ngắn ngày, hoặc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, dự giờ, sinh hoạt tổ chuyên môn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Lê Đình Thảo

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 280 Bùi Hữu Nghĩa, phường 2, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028.38412174

Địa chỉ thư điện tử: thaold1980@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Gia Định về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lam Sơn trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Gia Định;

b) Hội đồng trường:

- Quyết định số 7409/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2023 của UBND Quận Bình Thạnh về kiện toàn nhân sự Hội đồng trường Trường THCS Lam Sơn nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 9347/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND Quận Bình Thạnh về công nhận Chủ tịch hội đồng trường của các trường Trung học cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025.

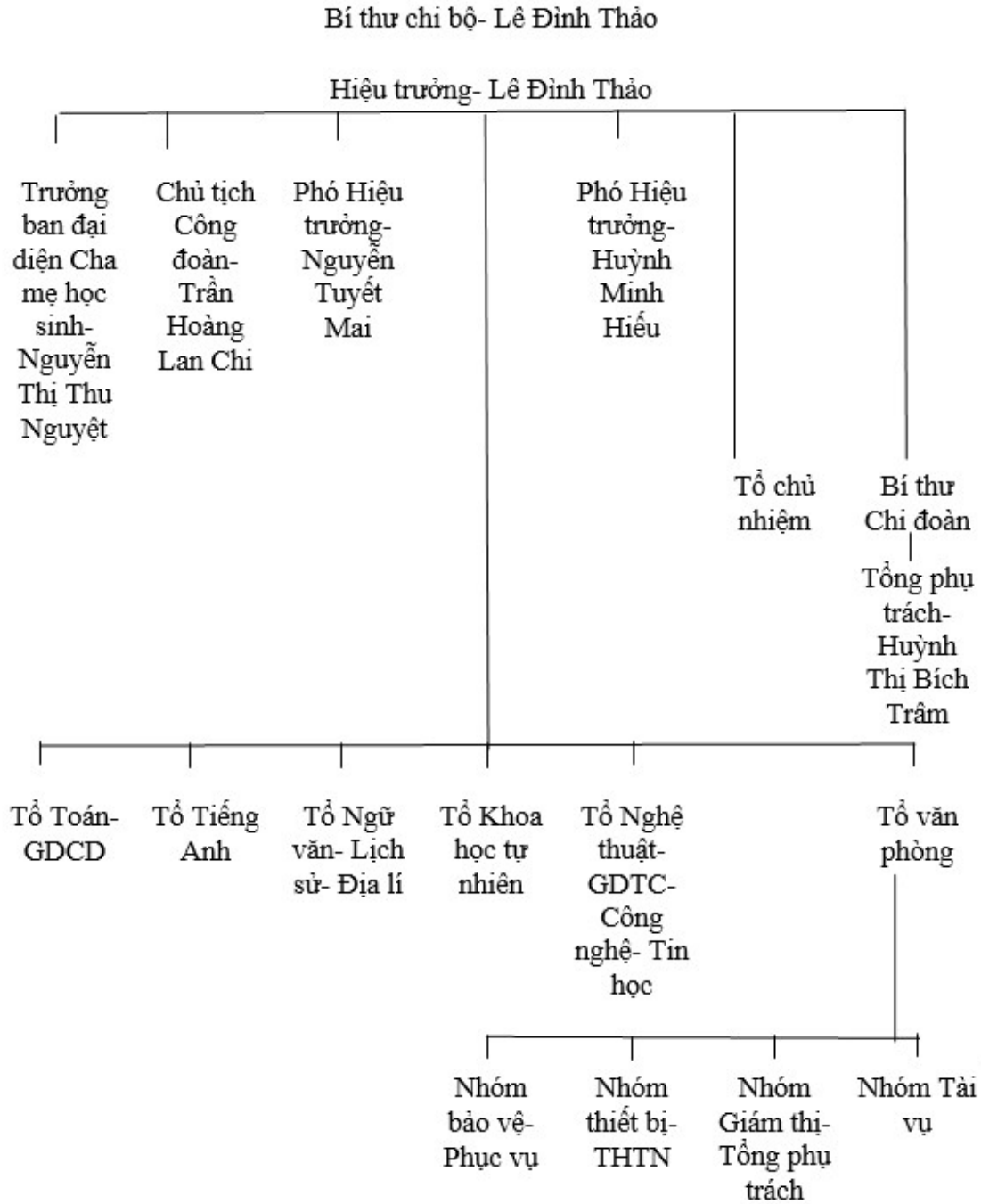
c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Gia Định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Gia Định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND phường Gia Định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55		2	43	4	2	4	20	27		36	11		
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	44		2	38	4			20	24					
1.	Văn – Tiếng Việt	8			8				2	6		8			
2.	Lịch Sử	1				1			1			1			
3.	Địa Lý	3			2	1			2	1		3			
4.	GDCD	2			2				1	1		1	1		
5.	Tiếng Anh	7		1	5	1			6	1		2	5		
6.	Toán	6			6				2	4		5	1		
7.	Vật Lý	2			2					2		2			
8.	Hoá học	3		1	2				2	1		3			
9.	Sinh vật	3			3					3		3			
10.	Công nghệ KTDV	1			1					1		1			
11.	Công nghệ CN	2			1	1			1	1		1	1		
12.	Công nghệ NN														
13.	Tin học	2			2				1	1		2			
14.	Nhạc	2			1				1	1		2			
15.	Hoạ														
16.	Thể dục	2			2				1	1		2			
II	Cán bộ quản lý	3			3					3			3		
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2		
III	Nhân viên	8			2		2	4							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên bảo vệ	2						2							
10	Nhân viên phục vụ	2						2							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nội dung	Số lượng	Bình quân
Số phòng học	25	42HS/phòng
Loại phòng học		
Phòng học kiên cố	25	
Số phòng học bộ môn	6	
Bình quân lớp/phòng học	1.1	
Bình quân học sinh/lớp	43	
Số diêm trường	1	
Tổng số diện tích đất (m²)	2413	
Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1490	
Tổng diện tích các phòng		
Diện tích phòng học (m ²)	1696	
Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	304	
Diện tích thư viện (m ²)	64	
<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	44	
Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	53	
Khối lớp 6,7	27	
Khối lớp 8	16	
Khối lớp 9	10	
Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	25	
Khối lớp 6	7	
Khối lớp 7	5	
Khối lớp 8	8	
Khối lớp 9	5	
Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1 (2m ²)	
Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	94	
Tổng số thiết bị dùng chung khác		
Ti vi	5	
Cát xét	7	
Đầu Video/đầu đĩa	1	
Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	
Thiết bị khác...	0	

Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
Ti vi	2	0/24
Cát xét	7	7/24
Đầu Video/đầu đĩa	1	1/24
Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	24/24

Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
----------	--	--------	-------------------------

Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	8 phòng, 512 m ²	323	1.6
Khu nội trú	0	0	0

Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0.2

Nội dung	Có	Không
Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
Kết nối internet	x	
Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
Tường rào xây		x

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục:

- Cấp độ 1 - Năm 2025 (*Quyết định số 176-37/QĐ-SGDĐT ngày 16/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về công nhận trường THCS Lam Sơn quận Bình Thạnh đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1*)

2. Nội dung Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục:

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến	Từ năm học 2024-2025 trở đi, sau mỗi học kỳ, Hiệu trưởng sẽ mời Ban đại diện cha mẹ học sinh, một số học sinh của các khối lớp cùng một vài thành viên đại diện đoàn thể bên ngoài nhà trường cùng rà soát, góp	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh, một số học sinh của các khối lớp, đại diện đoàn thể bên ngoài nhà trường.	Năm học 2025-2026	Không	Hướng dẫn của Phòng Văn hóa, Xã hội	

		lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường	ý, rút ra những ưu điểm và hạn chế nhằm bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo định hướng phát triển kinh tế-xã hội của quận Bình Thạnh.					
	Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Mức 2: Đảm bảo an toàn phòng, chống cháy, nổ.	Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch cải tạo, sửa chữa, trình cấp trên phê duyệt nhu cầu trang bị hệ thống báo cháy tự động toàn trường	UBND phường Gia Định	Năm học 2025-2026	Theo Quyết định của UBND phường Gia Định	Hướng dẫn của Phòng Văn hóa, Xã hội	
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh							
	Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	Mức 1: 100 % giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định	Cán bộ quản lý tạo điều kiện cho các giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo đăng ký tham gia học nâng cao trình độ.	Cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn	Năm học 2025-2026	Học phí giáo viên tự chi trả		
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học							
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội							
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục							
	Tiêu chí 5.1	Mức 3: Hằng năm, rà soát,	Nhà trường sẽ thường xuyên rà soát, phân	Hội đồng trường; tổ, nhóm chuyên	Năm học 2025-2026	Không		

		phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.	tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chuyên đề, các giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm nâng cao chất lượng dạy.	môn.				
	Tiêu chí 5.2	Mức 2: Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục	Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng và các tổ trưởng có Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9 ở tất cả các bộ môn; đồng thời, đẩy mạnh việc bồi dưỡng học sinh các khối 6, 7, 8 tham gia đầy đủ các kỳ thi về học thuật, kỹ thuật do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức; tiếp tục tập trung vào công tác phụ đạo học sinh yếu-kém, có lộ trình cho từng đối tượng học	Cán bộ quản lý; tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn; giáo viên bộ môn; giáo viên chủ nhiệm.	Năm học 2025-2026	Không		

			sinh và tập trung phụ đạo các các bộ môn liên quan đến thi TS vào lớp 10					
	Tiêu chí 5.6	Mức 2: a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyên biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá; b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyên biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá	Hiệu trưởng chỉ đạo các phó hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, tìm hiểu hoàn cảnh để động viên giúp đỡ học sinh. Nâng cao công tác phụ đạo học sinh chưa đạt thông qua việc nắm bắt tình hình học tập của từng lớp; tổ chức lớp phụ đạo; chỉ đạo giáo viên bộ môn dạy theo hình thức cá nhân, đổi mới phương pháp dạy học.	Cán bộ quản lý; tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn; giáo viên bộ môn; giáo viên chủ nhiệm.	Năm học 2025-2026	Không		
MỨC 4: KHÔNG								

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở năm học: 2024- 2025 (đến 31/05/2025)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	994	265	318	233	178
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	865 87%	254 95,85%	266 83,65%	182 78,11%	163 91,57%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	135 11,16%	10 3,77%	42 13,21%	44 18,88%	15 8,43%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 1,2%	01 0,38%	4 1,26%	7 3%	00
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,64%	00	6 1,89%	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	994	265	318	233	178
1	Giỏi /Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	352 35,41%	101 38,11%	117 36,79%	75 32,19%	59 33,15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	402 40,44%	113 42,64%	110 34,59%	91 39,06%	88 49,44%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	219 22,03%	47 17,74%	80 25,16%	61 26,18%	31 17,42%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	19 1,9%	4 1,51%	9 2,83%	6 2,58%	00
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	02 0,22%	00	02 0,62%	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	994	265	318	233	178
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	970 97,58%	261 98,49%	304 95,59%	227 97,42%	178 100%
	Học xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	118 11,87%	30 11,49%	33 10,37%	28 12,07%	27 15,16%
a	Học sinh giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	230 23,18%	71 26,79%	84 26,41%	44 18,88%	31 17,41%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	19 1,91%	04 1,5%	09 2,83%	06 2,57%	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	02 0,2%	00	02 0,62%	00	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/35 1,2%/3,5%	02/14 0,8%/5,28%	3/11 0,9%/3,5%	2/5 0,9%/2,1%	5/5 2,8%/2,8%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	01 0,3%	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	44	01	06	14	23
1	Cấp huyện	40	01	06	14	19
2	Cấp tỉnh/thành phố	04	0	0	0	04
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0	0	0	0	0
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0	178
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	528/466	131/134	164/154	129/104	104/74
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	34	12	7	5	10

2. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở năm học: 2025 – 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo KH tuyển sinh của UBND quận BT	Hoàn thành chương trình lớp 6	Hoàn thành chương trình lớp 7	Hoàn thành chương trình lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình giáo dục phổ thông: + Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Điều lệ ban đại diện CMHS theo Thông tư số: 55/2011/TT-BGDĐT ngày 27/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. - Điều lệ trường THCS ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD và ĐT. - Thông tư số 22/2021/TT – BGDĐT ngày 20/7/2021 về việc đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông của Bộ giáo dục đào tạo			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục như hoạt động NGLL, hướng nghiệp, ngoại khóa, tham quan trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường, tiết học ngoài không gian lớp học... ; tích hợp nội dung giáo dục			

		bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; lịch sử địa phương - Tổ chức các hoạt động TĐTT, văn hoá, văn nghệ, hoạt động xã hội như hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ môi trường, rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục sức khoẻ ... phù hợp với tâm lý học sinh. - Tham gia đầy đủ và hiệu quả các hội thi, phong trào do ngành tổ chức.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Chỉ tiêu phấn đấu năm học 2025-2026 1. Kết quả học tập cuối năm: - Tốt: 36% - Khá: 40% - Đạt: 22% - Chưa đạt: 2% 2. Kết quả rèn luyện cuối năm: - Tốt: 93% - Khá: 6,5% - Đạt: 0,5% - Chưa đạt: 0% 3. Các chỉ tiêu khác: - Học sinh lớp 9 TN THCS: trên 99% - Học sinh giỏi cấp quận: 6% (học sinh khối 9) - Học sinh giỏi cấp TP: 20% (học sinh giỏi cấp quận)			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7 năm học 2026-2027	Đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8 năm học 2026-2027	Đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 9 năm học 2026-2027	Đủ khả năng tiếp tục học tập ở bậc học THPT hoặc Trung cấp nghề theo định hướng phân luồng, giáo dục hướng nghiệp

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Quyết toán thu - chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2024

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	8.055.533	8.055.533			1.259.973
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí	2.708.974	2.708.974			1.035.401
	Phí	2.708.974	2.708.974			1.035.401
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ	5.346.559	5.346.559			224.572

	Tổ chức PV và quản lý BT	36.711	36.711			
	Tổ chức PV, quản lý và VS- BT	598.054	598.054			
	Học phí buổi thứ 2	918.881	918.881			
	Anh văn tăng cường	85.116	85.116			
	Thẻ dực tự chọn	320.546	320.546			
	Anh văn nước ngoài	1.030.200	1.030.200			
	Kỹ năng sống	776.581	776.581			
	Stem	979.713	979.713			
	Tin học quốc tế	580.802	580.802			
	Thu mặt bằng	6.100	6.100			
	Thu bãi xe	13.855	13.855			
	Thu căn tin	96.470	96.470			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	19.129,103	19.129,103			958,646
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.980,003	9.980,003			958,646
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương	4.920,387	4.920,387			
6101	Chức vụ	80,712	80,712			
6105	Phụ cấp thêm giờ	135,777	135,777			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.441,024	1.441,024			
6113	Phụ cấp trách nhiệm	9,936	9,936			
6115	Phụ cấp thâm niên nghề nghiệp	808,826	808,826			
6301	Bảo hiểm xã hội	986,143	986,143			
6302	Bảo hiểm y tế	177,934	177,934			
6303	Kinh phí công đoàn	116,190	116,190			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	59,311	59,311			
6349	Các khoản đóng góp khác	29,656	29,656			
6449	Chi khác	27,439	27,439			
6501	Tiền điện	79,643	79,643			
6502	Tiền nước	44,892	44,892			
6608	Sách báo, tạp chí thư viện	7,270	7,270			
6704	Khoản công tác phí	24,000	24,000			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	56,400	56,400			
7004	Đồng phục, trang phục	0,998	0,998			
8049	Chi khác	17,823	17,823			
7951	Chi lập quỹ BSTN	487,875	487,875			487,875
7952	Chi lập quỹ phúc lợi	143,624	143,624			143,624
7953	Chi lập quỹ khen thưởng	120,000	120,000			120,000
7954	Chi lập quỹ PTHĐSN	207,144	207,144			207,144
B	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương	5.391,291	5.391,291			
6449	Chi khác	5.391,291	5.391,291			

C	Kinh phí hỗ trợ học phí	498,420	498,420		
7766	Cấp bù học phí	498,420	498,420		
D	Kinh phí thực hiện tiền thưởng thường xuyên	274,482	274,482		
6201	Thưởng thường xuyên	274,482	274,482		
E	Kinh phí thực hiện không thưởng xuyên	2.984,907	2.984,907		20,500
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề(khuyết tật)	345,235	345,235		
6156	Miễn giảm học phí	19,560	19,560		
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	36,300	36,300		
6449	Trợ cấp , phụ cấp khác	106,200	106,200		
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư(bàn ghế học sinh)	20,500	20,500		20,500
7766	Chi khác	2.252,880	2.252,880		

2. Đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thưởng xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.493,148	19.493,148	101.9%	2,3%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.552,687	10.552,687	105%	1%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.114,740	1.114,740	40%	-40%
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	7.288,775	7.288,775	165%	34%
3.4	Kinh phí quỹ tiền thưởng	536.946	536.946	196%	96%

3. Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	996.292
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	996.292
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.493.148
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.552.687
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.114.740
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	7.288.775
3.4	Kinh phí quỹ tiền thưởng	536.946

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tổ chức triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình GDPT 2018); Hướng dẫn thực hiện theo Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (không thực hiện dạy học môn tự chọn).

Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học: các giáo viên trong tổ/nhóm chuyên môn cùng nhau xây dựng nội dung và tiến trình bài học; thực hiện bài học và dự giờ; phân tích, rút kinh nghiệm bài học thông qua phân tích hoạt động học của học sinh, qua đó các giáo viên trao đổi, chia sẻ, học tập lẫn nhau về hình thức, phương pháp, kỹ thuật tổ chức hoạt động học của học sinh.

Nhằm tạo cơ hội cho tất cả GV được học tập lẫn nhau thông qua hoạt động cùng hợp tác thiết kế kế hoạch bài dạy, xây dựng chuyên đề, cùng dự giờ và phân tích bài học, qua đó phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện kỹ năng giảng dạy cho từng

Các tổ, nhóm chuyên môn đã phát huy được tính chủ động sáng tạo, linh hoạt trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, nhận được sự đồng thuận cao, từ đó nhà trường nhận được sự quan tâm, ủng hộ, hợp tác, xây dựng tích cực của phụ huynh học sinh đến việc thực hiện kế hoạch giáo dục, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ đó tạo niềm tin chất lượng giáo dục khi thực hiện chương trình giáo dục mới.

Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, thảo luận và bàn biện pháp nâng cao hiệu quả giờ dạy cũng như các tiết ôn tập và các hoạt động giáo dục cho học sinh. Kiểm tra kế hoạch dạy học buổi thứ hai. So sánh, phân tích chất lượng, hiệu quả của buổi học thứ hai vào mỗi kì họp Ban giáo vụ. Công khai chất lượng trong toàn sau kiểm tra đánh giá.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo qui định về đánh giá học sinh THCS và THPT. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh chính xác, công bằng, khách quan, từ đó đánh giá chính xác phẩm chất, năng lực học sinh.

Dựa trên kế hoạch, hướng dẫn của Bộ môn quận, kế hoạch nhà trường trong tổ chức kiểm tra, đánh giá, các tổ chuyên môn xây dựng, biên soạn đề kiểm tra đúng quy trình, theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá đối với từng môn học. Khuyến khích giáo viên sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với tình hình thực tế, đối tượng học sinh trong nhà trường.

Tăng cường thời lượng hướng dẫn học sinh còn hạn chế về năng lực, tổ chức ôn tập, kiểm tra bám sát yêu cầu cần đạt của môn học.

Nhà trường tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý đội ngũ giáo viên, học sinh, trong kiểm tra, đánh giá. Sử dụng các ứng dụng để quản lý nhà trường, tổ chức dạy, học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến trên hệ thống LMS 360.

Cán bộ quản lý nhà trường, giáo viên sử dụng các phần mềm, ứng dụng vào quản lý học sinh, quản lý nhà trường cơ bản, thành thạo, hiệu quả đảm bảo diễn ra đúng kế hoạch.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh chính xác, công bằng, khách quan, từ đó đánh giá chính xác phẩm chất, năng lực học sinh.

Dựa trên kế hoạch, hướng dẫn của Bộ môn quận, kế hoạch nhà trường trong tổ chức kiểm tra, đánh giá, các tổ chuyên môn xây dựng, biên soạn đề kiểm tra đúng quy trình, theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục

Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá đối với từng môn học. Khuyến khích giáo viên sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với tình hình thực tế, đối tượng học sinh trong nhà trường.

Tăng cường thời lượng hướng dẫn học sinh còn hạn chế về năng lực, tổ chức ôn tập, kiểm tra bám sát yêu cầu cần đạt của môn học.

Các tổ, nhóm chuyên môn đã phát huy được tính chủ động sáng tạo, linh hoạt trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học.

Một số môn như môn Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; giáo dục địa phương còn khó khăn trong phân công và giảng dạy vì chưa có giáo viên chuyên trách.

Đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh, phát huy được tinh thần tự học, tự chủ, giao tiếp và hợp tác, sự sáng tạo của học sinh. Đây mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án trong các môn học; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; tập trung dạy cách học, cách nghĩ; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của năm trước và những thuận lợi khó khăn đã nêu ở trên, nhà trường tiếp tục xác định cần tập trung khắc phục có hiệu quả hơn nữa tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học và nâng chất lượng bộ môn nhất là ở lớp cuối cấp, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt chỉ tiêu 100%, và tăng tỉ lệ học sinh vào lớp 10 công lập lên 75% (phần đầu tăng 5% so với kì thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025). Có học sinh giỏi đạt cấp thành phố, có giáo viên dạy giỏi cấp trường, quận. Tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp. Khuyến khích học sinh nghiên cứu các ứng dụng trong đời sống thực tiễn thông qua các dự án nhỏ và vừa, phù hợp lứa tuổi.

Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh, nâng cao chất lượng kiểm tra định kỳ (quy chế tổ chức; đề kiểm tra xây dựng ma trận đề đảm bảo các mức độ theo quy định; áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá). Vận dụng Thông tư tư

22/2021/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

2. Hoạt động giáo dục - dạy 2 buổi/ngày

Phổ biến văn bản của ngành yêu cầu nhiệm vụ của việc dạy 2 buổi/ngày là củng cố và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục; Thực hiện đúng theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học 2 buổi /ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026. Dựa vào tình hình thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch sát với thực tiễn và báo cáo các cấp quản lý, nắm rõ mục đích nội dung của dạy 2 buổi/ngày: khả năng về đội ngũ giáo viên, phòng học, các điều kiện để phục vụ dạy và học. Bố trí đủ phòng học, CSVC để tổ chức dạy 2 buổi/ ngày.

Năm học 2024-2025, trường có 25 lớp học 2 buổi/ngày. Phân bổ số tiết dạy, thực hiện theo Thông tư 32/2018/BGDĐT đối với khối 6, 7, 8, 9. Tổ chức các tiết học học giáo dục Kỹ năng sống, học giao tiếp với giáo viên bản ngữ, Stem và bổ sung luyện tập cho các bộ môn Ngữ văn, Toán học, Tiếng anh, Khoa học tự nhiên.

So sánh, phân tích chất lượng, hiệu quả của buổi học thứ hai vào mỗi kì họp Ban giáo vụ. Công khai chất lượng trong toàn trường sau mỗi kì kiểm tra đánh giá.

3. Bồi dưỡng học sinh giỏi

Thực hiện Kế hoạch năm học, nhằm nâng cao chất lượng học sinh một cách toàn diện theo mục tiêu giáo dục của nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng ngay từ đầu năm học, chia làm 02 giai đoạn ôn tập bồi dưỡng, sau giai đoạn 01, nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực, kiến thức học sinh. Thông qua kết quả lập danh sách học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi các môn ngay từ tuần đầu của năm học từ các lớp 9: các lớp bồi dưỡng ở các môn văn hóa; bồi dưỡng Văn hay chữ tốt; Lớn lên cùng sách; Máy tính bỏ túi; Khéo tay kỹ thuật.

Xây dựng nội dung ở các bộ môn phù hợp với từng giai đoạn, đối tượng học sinh tham gia bồi dưỡng trong nhà trường. Tạo điều kiện thuận lợi: giúp các em học sinh có điều kiện học tập, phát triển tư duy, sáng tạo, có thái độ đúng đắn, tự nghiên cứu, tìm tòi tham khảo tài liệu, giúp các em có năng khiếu bộ môn có cơ hội tiếp cận những vấn đề nâng cao và sâu hơn, qua đó tạo cho các em niềm đam mê và yêu thích môn học, giúp các em có cơ hội rèn luyện, phấn đấu trở thành học sinh giỏi phát triển toàn diện; Nâng cao chất lượng học sinh giỏi của trường nhiều hơn và chọn ra đội tuyển học sinh giỏi khối 9, dự thi học sinh cấp Quận theo Kế hoạch năm học.

Mặc dù đã có nhiều thay đổi trong việc kiểm tra, tuyển chọn học sinh vào đội tuyển học sinh giỏi các môn, số lượng học sinh dự thi nhiều, tuy nhiên số lượng học sinh đạt kết quả chưa đáp ứng chỉ tiêu do còn hạn chế về năng lực học sinh đầu vào, thời lượng ôn tập, đội ngũ giáo viên bồi dưỡng chưa ổn định, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Nhà trường sẽ có những biện pháp, cải tiến chất lượng, xây dựng kế hoạch, nội dung phù hợp hơn với điều kiện, tình hình thực tế của nhà trường.

4. Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia các buổi tập huấn, các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ:

- Lớp học nâng chuẩn trình độ đào tạo cho GV chưa đạt chuẩn: 02 GV đã tham gia.

- Lớp Bồi dưỡng cho CBQL, GV, NV: 18 người tham gia.

- Lớp Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn về đầu thầu dành cho CBQL, kế toán, người phụ trách CNTT, Tổ trưởng chuyên môn, Thanh tra nhân dân: 8 người tham gia.

5. Xã hội hóa, tăng cường cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục

Mạnh thường quân đã chung tay hỗ trợ nhà trường trang bị hệ thống camera, mái vòm cho các lớp học còn lại chưa được trang bị mái vòm, sơn lại toàn bộ mặt bàn học sinh cho các lớp học giúp cho các hoạt động học tập, vui chơi của học sinh trong lớp học và trên sân trường được thực hiện đảm bảo chất lượng giảng dạy theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và đúng theo kế hoạch.

6. Thực hiện chuyển đổi số, trường học số

- Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn theo Quyết định 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030;;

- Tiếp tục thực hiện Đề án dạy học Tin học theo chuẩn quốc tế trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo. Xây dựng kế hoạch, nội dung sinh hoạt hiệu quả, phát huy được các hoạt động của các Câu lạc bộ trong nhà trường theo mô hình câu lạc bộ học thuật, gắn với định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Triển khai thực hiện Đề án: "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế giai đoạn 2021-2030". Huy động mọi nguồn lực để tạo ra sự chuyển biến về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, sẵn sàng tham gia chủ động, tích cực trong thời đại của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

- Nâng cao chất lượng dạy và học tin học trong nhà trường, giúp học sinh được trang bị kỹ năng, phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung, đặc biệt là năng lực tin học đã được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Là cơ hội để giáo viên tin học, học tập kinh nghiệm, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên Tin học trong nhà trường.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả của việc tổ chức dạy học trực tuyến, xây dựng học liệu số; kịp thời xử lý những vướng mắc trong quá trình triển khai dạy học trực tuyến; đánh giá, rút kinh nghiệm về tổ chức hoạt động dạy học trực tuyến và tổng hợp những khó khăn, nguyên nhân, kiến nghị;

- Đẩy mạnh phối hợp việc dạy học trên lớp với việc tổ chức cho học sinh học tập trên Internet qua các hệ thống quản lý học tập (LMS). Hướng dẫn cha mẹ học sinh chuẩn bị các điều kiện học tập thích ứng với việc nhà trường triển khai thực hiện Đề án, Chương trình.

- Nhà trường tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý đội ngũ giáo viên, học sinh, trong kiểm tra, đánh giá. Sử dụng các ứng dụng để quản lý nhà trường, tổ chức dạy, học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến trên hệ thống LMS.

- Cán bộ quản lý nhà trường, giáo viên sử dụng các phần mềm, ứng dụng vào quản lý học sinh, quản lý nhà trường cơ bản, thành thạo, hiệu quả đảm bảo diễn ra đúng kế hoạch. Công tác thông tin, truyền thông được BGH phân công giáo viên trực tiếp phụ trách, chủ động thực hiện bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau, mang lại hiệu quả nhất định, có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa nhà trường với cha, mẹ học sinh và học sinh.

- Các tổ, nhóm chuyên môn đã phát huy được tính chủ động sáng tạo, linh hoạt trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, nhận được sự đồng thuận cao, từ đó nhà trường nhận được sự quan tâm, ủng hộ, hợp tác, xây dựng tích cực của phụ huynh học sinh đến việc thực hiện kế hoạch giáo dục, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ đó tạo niềm tin chất lượng giáo dục khi thực hiện chương trình giáo dục mới.

- Thực hiện quản lý hoạt động dạy học trên LMS; có học liệu E - Learning tương tác được xây dựng theo CT GDPT 2018 đã được tổ CM và lãnh đạo trường học phê duyệt (học liệu E - Learning tương tác được xếp loại, thống kê, báo cáo trên trang quanly.hcm.edu.vn - mục tiêu đến năm 2025 đạt tỷ lệ 35% CT GDPT).

- Các Tổ/nhóm chuyên môn thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện kiểm tra, đánh giá; tăng cường sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS), học liệu số, chủ đề học tập nhằm phát huy khả năng tự học, học theo hướng dẫn cho học sinh. Triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến theo các quy định mới.

- Báo cáo kết quả thực hiện Học liệu số tương tác (E – Learning):

+ Số liệu “Học liệu số tương tác theo CT GDPT 2018” đã được phê duyệt: Khối 6: 117; Khối 7: 95; Khối 8: 73; Khối 9: 54.

- Thực hiện công trình thi đua xây dựng trường học số (văn bản số 6158/SGDĐT-GDTrH ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Sở GDĐT về việc triển khai công trình xây dựng 50 trường học số chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025): hoàn thành đăng ký thi đua trên trang quanly.hcm.edu.vn; đăng ký xây dựng trường học số; các hoạt động chủ động sáng tạo trong xây dựng học liệu số tương tác, xây dựng lớp học thông minh, trường học thông minh.

- Trong năm học, Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, định hướng các tiêu chí thi đua, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cho dạy và học và công tác quản lý. Các tổ, nhóm chuyên môn sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, xây dựng bài dạy trên trang LMS, kho học liệu số dùng chung nâng cao hiệu quả dạy học, nhằm đánh giá thi đua của giáo viên dựa trên kết quả, kiểm tra đánh giá của học sinh. Phát động tinh thần đổi mới trong dạy học, qua các Hội thi:

giáo viên dạy giỏi cấp trường, hỗ trợ, giúp đỡ tạo mọi điều kiện tốt nhất để giáo viên tham gia và hoàn thành tốt các Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Quận, Thành phố.

- Triển khai đến toàn thể Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường về những nội dung chính trong Công văn số 4977/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025. Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng giáo viên, lập danh sách cử giáo viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn do cấp trên tổ chức. Tăng cường ứng dụng CNTT, học liệu số, tổ, nhóm chuyên môn lên kế hoạch dạy học theo định hướng, mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học thuộc Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như các môn Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Nội dung giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Môn Ngoại ngữ và Tin học tăng cường các nội dung bổ trợ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để chuẩn bị cho học sinh lớp 9 học các môn học này theo hướng tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (*để báo cáo*);
- Hội đồng trường;
- Đăng trang TTĐT;
- Niêm yết công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Đình Thảo